

Bản án số: **232/2019/HSPT**

Ngày: 09 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Trần quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Quang Hiệp**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 172/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Nhật T và đồng phạm về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**** Bị cáo bị kháng nghị:***

1. Nguyễn Nhật T (tên gọi khác: L1), sinh ngày 19 tháng 02 năm 1999 tại Quảng Trị; nơi cư trú: thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị L3 (cả 2 đều còn sống); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Đức H, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1991 tại Quảng Trị; nơi cư trú: tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Hồ Thị T (cả 2 đều còn sống); có vợ là Phan Thị T, có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2018 cho đến nay. Có mặt.

3. Lê Xuân L (tên gọi khác: **LX**) sinh ngày 17 tháng 8 năm 1992 tại Quảng Trị; nơi cư trú: thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu L2 (đã chết) và bà Đào Thị N (còn sống); tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 19/3/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”, ngày 19/01/2012 chấp hành xong hình phạt;

Ngày 17/9/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 28/8/2015 chấp hành xong hình phạt;

Ngày 08/02/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, 19/7/2018 trở về địa phương;

Nhân thân: Tháng 8/2005 bị Công an thị xã Q bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản” sau đó đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định của Chủ tịch UBND thị xã Q 24 tháng; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2018 cho đến nay. Có mặt.

** Người bị hại:*

1. Ông **Phạm Ngọc C**, sinh năm 1962; trú tại: tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
2. Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1993; trú tại: tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
3. Anh **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1979; trú tại: tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.
4. Anh **Lâm Văn G**, sinh năm 1971, trú tại: tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.
5. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1969, trú tại: tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hoàng Minh C không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2018, Nguyễn Nhật T quen biết với Ngô Minh T2 làm nghề thu mua mật ong nuôi tại khu vực rừng phòng hộ thuộc xã H, huyện H3 và khu vực lân cận. Thông qua Ngô Minh T2, T biết được số điện thoại của những người làm nghề nuôi ong lấy mật và nảy sinh ý định thực hiện hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần của những người nuôi ong nhằm chiếm đoạt tài sản dưới hình thức “tiền đường”, “tiền luật”. T vừa tự mình thực hiện, vừa rủ thêm các đồng phạm cùng thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản.

Thủ đoạn của T và các đồng phạm là: Lợi dụng vị trí đặt lán nuôi ong ở trong rừng, là nơi hẻo lánh, xa khu dân cư, ít người qua lại, T và các đồng phạm cố tình thể hiện là dân “anh, chị”, “giang hồ”, với dáng vẻ bề ngoài hung dữ,

dùng điện thoại, tin nhắn hoặc nói lời đe dọa, uy hiếp tinh thần, buộc những người nuôi ong phải nộp tiền, gọi là “tiền đường” hoặc “tiền luật”. Nếu không nộp tiền thì sẽ phá trại nuôi ong, hoặc buộc phải chuyển đi nơi khác. Những người nuôi ong bị đe dọa, uy hiếp nên lo sợ, buộc phải đưa tiền cho T và đồng phạm. Với thủ đoạn đó, T và đồng phạm đã thực hiện 04 vụ chiếm đoạt tài sản của những người nuôi ong, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 12/8/2018, Nguyễn Nhật T gọi điện cho ông Lâm Văn G nhiều lần, đe dọa đòi phá lán trại nuôi ong và yêu cầu ông G đưa trước 3.000.000 đồng đến cầu T (thị xã Q), khi nào có tiền thì đưa tiếp. Vì lo sợ nên ông G nhờ bà Lê Thị M (là người nuôi ong cùng ông G) đưa tiền, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, bà M đã đưa trực tiếp cho T 3.000.000 đồng tại cầu T (thuộc Quốc lộ 1A, khu vực giáp ranh giữa thị xã Q và huyện H3). Số tiền chiếm đoạt được T tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Ngày 14/8/2018, T gọi điện cho anh Hà Thanh V (là người làm công cho ông Nguyễn Duy N) đe dọa, lấy số điện thoại ông N, rồi gọi điện thoại cho ông N đe dọa, uy hiếp đòi phá trại nuôi ong, buộc ông N đưa 5.000.000 đồng đến cầu Trắng (thị xã Q). Do lo sợ, nên ông N bảo V đưa tiền về nộp cho T. Khoảng 22 giờ, V nhờ bạn mình là T3 đã trực tiếp đưa cho Nguyễn Nhật T số tiền 5.000.000 đồng tại trước một quán nhậu (đối diện Kho bạc Nhà nước thị xã Q), số tiền chiếm đoạt được T tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Nguyễn Nhật T biết Nguyễn Đức H là lái xe của Ngô Minh T2 thu mua mật ong, thông thuộc đường đi đến các điểm đặt lán trại nuôi ong, nên khoảng 10 giờ ngày 20/8/2018, T gọi điện nhờ H dẫn đường vào các trại nuôi ong để lấy “tiền luật”, H đồng ý.

Sau đó, T gọi điện cho Hoàng Minh C, rủ C lên các trại nuôi ong lấy “tiền luật” (trước đó khoảng 7 ngày T đã rủ C cùng thực hiện), C đồng ý. Lúc này C đang ngồi cùng Lê Xuân L, nên C đã rủ Lê Xuân L cùng đi.

Đến 11 giờ ngày 20/8/2018, Nguyễn Nhật T, Nguyễn Đức H, Hoàng Minh C, Lê Xuân L đã mượn xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 74F6 – 2094 của Đặng Quang H1 đưa cho Nguyễn Đức H điều khiển, chở theo sau là Nguyễn Nhật T. Hoàng Minh C điều khiển mô tô nhãn hiệu Taurus màu đỏ đen (không biết của ai dựng tại phòng trọ của Đoàn Minh K) chở Lê Xuân L. Nguyễn Đức H dẫn đường lên khu vực rừng phòng hộ thuộc xã H2, huyện H3, vào 04 trại nuôi ong của: ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Ngọc C, ông Nguyễn Duy N và ông Nguyễn Hoàng Phi S (tức Tây). Sau đó đi sang khu vực rừng tràm của Lâm trường T thuộc địa phận xã H2, huyện H3, vào 03 lán trại của các ông: Lâm Văn G, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Văn T1. Hoàng Minh C và Lê Xuân L không vào 02 lán trại của ông Nguyễn Duy N và ông Nguyễn Ngọc D. Còn Nguyễn Đức H chủ yếu dẫn đường và đứng bên ngoài, do sợ những người nuôi ong nhận ra, H chỉ vào lán của ông Nguyễn Văn T1. T, C và L trực tiếp gặp mặt hoặc gọi điện cho các chủ nuôi ong, dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần, buộc

những người nuôi ong nộp “tiền luật” mỗi tháng 5.000.000 đồng. Do những người bị hại không có sẵn tiền hoặc đi vắng, nên T yêu cầu đến ngày 23/8/2018 phải đưa tiền về cầu Tráng (thị xã Q) để nộp. Chỉ lán của ông Nguyễn Văn T1, do ông T1 không có tiền, vì vậy T đe dọa buộc ông T1 phải đưa “tiền xăng xe”. Do lo sợ nên ông T1 đưa cho C 1.000.000 đồng và hẹn đến ngày 23/8/2019 sẽ đưa tiền về cầu T. Trên đường về, C mua nước và thuốc lá hết 90.000 đồng, còn lại đưa cho T. T đưa cho H 300.000 đồng còn lại T tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: 18 giờ ngày 21/8/2018, T tự xưng là “Độc Long” gọi điện thoại cho ông Lưu Thế V yêu cầu ông V, bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Ngọc C và ông Nguyễn Văn T1 (đều là những người nuôi ong) phải mang tiền đến khu vực C (tên Quốc lộ 1A, khu vực giáp ranh giữa thị xã Q và huyện H3) để nộp “tiền luật”.

Vào lúc 19 giờ 50 phút, ngày 21/8/2018 bà H1, ông V, ông C và ông T1 đến quán “Cơm B” huyện H3, tỉnh Quảng Trị thì T đi Taxi đến lấy “tiền luật”. Trong lúc T đang lấy 2.700.000 đồng của ông Phạm Ngọc C, 3.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H1, 2.800.000 đồng của ông Nguyễn Văn T1. Tổng cộng 8.500.000 đồng thì bị Công an tỉnh Quảng Trị phát hiện bắt quả tang.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật T (tên gọi khác: L), Nguyễn Đức H; Lê Xuân L (tên gọi khác: LX) phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/8/2018.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Lê Xuân L 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/10/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/8/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Minh C, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/3/2019, bị cáo Nguyễn Nhật T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 08/4/2019, bị cáo Nguyễn Nhật T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Thông báo Số 172/2019/TB-TA ngày 23/4/2019 về việc rút kháng cáo của bị cáo.

Ngày 09/4/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra quyết định kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử

theo thủ tục phúc thẩm sửa Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên theo hướng áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Nhật T; không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Xuân L, Nguyễn Đức H; xét xử tăng hình phạt các bị cáo T, L và H.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên quyết định kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xét xử bị cáo Nguyễn Nhật Trường theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự, không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Xuân L, Nguyễn Đức H, tăng hình phạt đối với bị cáo T, L, H.

Các bị cáo Nguyễn Nhật T, Lê Xuân L, Nguyễn Đức H cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng tội, không oan. Nay Viện kiểm sát kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Nhật T, Lê Xuân L, Nguyễn Đức H đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại Hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vì biết trên địa bàn xã H2, huyện H3, tỉnh Quảng Trị và các địa bàn lân cận có các hộ nuôi ong lấy mật, ở trong rừng, xa khu dân cư, ít người qua lại nên Nguyễn Nhật T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những hộ nuôi ong. Để chiếm đoạt tài sản của người bị hại, T một mình hoặc cùng các đồng phạm Nguyễn Đức H, Hoàng Minh C và Lê Xuân L đe dọa, uy hiếp tinh thần buộc các hộ nuôi ong phải đưa “tiền đường”, “tiền luật” cho bị cáo và đồng phạm, nếu không đưa tiền thì các bị cáo sẽ phá trại ong hoặc buộc phải đi chỗ khác. Với phương thức và thủ đoạn nêu trên trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2018, T đã một mình hoặc cùng đồng phạm thực hiện 04 lần cưỡng đoạt tài sản của nhiều người bị hại với tổng số tiền 17.500.000 đồng. Các bị cáo H, C, L tham gia đồng phạm cùng với bị cáo T thực hiện 01 vụ chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử bị cáo Nguyễn Nhật T, Nguyễn Đức H, Lê Xuân L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì thấy:

Về tình tiết định khung đối với các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Nhật T đã 04 lần chiếm đoạt tài sản của các người bị hại với tổng số tiền 17.500.000.000 đồng, các bị cáo Nguyễn Đức H, Lê Xuân L tham gia đồng phạm

cùng với T 01 vụ, chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo Lê Xuân L đã có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo T, H, L về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, trong đó bị cáo T, H theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự; Bị cáo L theo điểm e khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng bị cáo T phạm tội thuộc điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng” là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo T là người cầm đầu, chủ mưu, tham gia trong cả 04 vụ, trực tiếp uy hiếp, đe dọa buộc người bị hại phải giao nộp tài sản, cấp sơ thẩm xử bị cáo 24 tháng tù là nhẹ; Các bị cáo bị cáo H, L là đồng phạm giúp sức tích cực, bị cáo H là người dẫn đường để các bị cáo vào cưỡng đoạt tài sản của các bị hại; bị cáo L cùng các đồng phạm khác vào lán trại trực tiếp uy hiếp hoặc điện thoại nhắn tin uy hiếp các bị hại buộc giao tài sản cho các bị cáo. Bị cáo L có nhân thân rất xấu có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, thể hiện bản tính coi thường pháp luật. Do đó đối với các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo T 24 tháng tù; Các bị cáo L và H chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo L 30 tháng tù, bị cáo H 09 tháng tù - dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo. Ngoài ra, Việc phân hóa vai trò hành vi và áp dụng hình phạt trong vụ án này đối với Bị cáo Hoàng Minh C có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng xử 12 tháng tù, hành vi của Nguyễn Đức H nguy hiểm hơn là người dẫn đường để đồng bọn phạm tội nhưng xử 9 tháng là không công bằng, Tuy nhiên, thời hạn thi hành án của Nguyễn Đức H được tính kể từ ngày bắt tạm giam 23/8/2018 đến nay H đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương làm ăn lương thiện, do vậy không nhất thiết phải tăng hình phạt nên tạo điều kiện cho H phấn đấu rèn luyện trở thành công dân tốt.

Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Xuân L, tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Nhật T, Lê Xuân L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với Nguyễn Đức H.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật T (tên gọi khác: L), Nguyễn Đức H; Lê Xuân L (tên gọi khác: LX) phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Nhật T 03 (ba năm) tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/8/2018.

2.2 Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lê Xuân L 03 (ba) năm 3 (ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/10/2018.

2.3 Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Đức H 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/8/2018.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn